

Rx "Thuốc bán theo đơn"

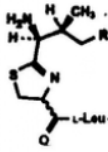
# Healift Skin Ointment

Thuốc mỡ bôi da

(Bacitracin BP + Polymyxin B Sulphat BP + Neomycin (dưới dạng Sulphat) BP + Lidocain BP)

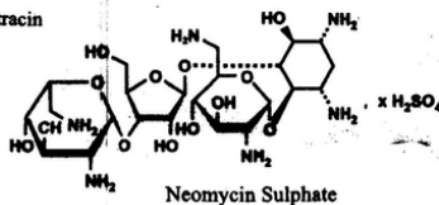
## MÔ TẢ

Thuốc mỡ Healift Skin là thuốc mỡ dùng ngoài da màu trắng đục, trơn bóng hầu như không có vật lạ.

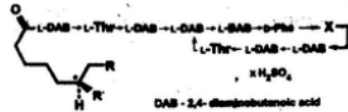


Name	Mol. Formula	X	Y	R
Bacitracin A	C <sub>20</sub> H <sub>183</sub> N <sub>17</sub> O <sub>18</sub> S	L-Ile	L-Ile	CH <sub>3</sub>
Bacitracin B1	C <sub>20</sub> H <sub>181</sub> N <sub>17</sub> O <sub>18</sub> S	L-Ile	L-Ile	H
Bacitracin B2	C <sub>20</sub> H <sub>181</sub> N <sub>17</sub> O <sub>18</sub> S	L-Val	L-Ile	CH <sub>3</sub>
Bacitracin B3	C <sub>20</sub> H <sub>181</sub> N <sub>17</sub> O <sub>18</sub> S	L-Ile	L-Val	CH <sub>3</sub>

Bacitracin

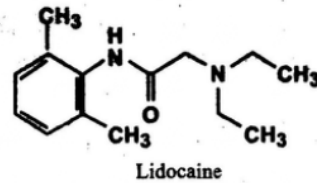


Neomycin Sulphate



Polymyxin	R	R'	X	Molecular formula	M <sub>r</sub>
B8	CH <sub>3</sub>	CH <sub>3</sub>	L-Leu	C <sub>27</sub> H <sub>48</sub> N <sub>10</sub> O <sub>10</sub>	1284
B2	H	CH <sub>3</sub>	L-Leu	C <sub>26</sub> H <sub>46</sub> N <sub>10</sub> O <sub>10</sub>	1199
B3	CH <sub>3</sub>	H	L-Leu	C <sub>26</sub> H <sub>48</sub> N <sub>10</sub> O <sub>10</sub>	1199
B14	CH <sub>3</sub>	CH <sub>3</sub>	L-Ile	C <sub>27</sub> H <sub>48</sub> N <sub>10</sub> O <sub>10</sub>	1284

Polymyxin B Sulphate



Lidocaine

## THÀNH PHẦN:

Mỗi tuýp 10g chứa:

- Bacitracin BP 5000 đơn vị
- Polymyxin B Sulphat BP 50000 đơn vị
- Neomycin (dưới dạng Sulphat BP) 35 mg
- Lidocain BP 400 mg

Tá dược: Liquid Parafin (Light) BP, White Soft Parafin (Petroleum Jelly) BP.

## DƯỢC LỰC HỌC:

**Bacitracin** có thể có tác dụng diệt khuẩn hoặc kiềm khuẩn, tùy thuộc vào nồng độ thuốc đạt được tại vị trí nhiễm khuẩn và sự nhạy cảm của vi khuẩn gây bệnh. Bacitracin ức chế vi khuẩn tổng hợp vỏ tế bào bằng cách ngăn cản việc sáp nhập các amino acid và nucleotid vào vỏ tế bào. Thuốc có thể can thiệp vào bước cuối cùng làm mất phosphat trong chu trình vận chuyển phospholipid và bằng cách này bacitracin ngăn chuyển mucopetid đến thành tế bào đang tăng trưởng. Bacitracin cũng gây tổn hại màng bảo tương của vi khuẩn và tác dụng chống các thể nguyên sinh. Bacitracin có tác dụng đối với nhiều vi khuẩn Gram dương như Staphylococcus (kể cả một số chủng kháng penicilin G), Streptococcus, cầu khuẩn kỵ khí, Corynebacterium và Clostridium. In vitro, nồng độ 0,05 đến 0,5 microgam/ml bacitracin ức chế hầu hết các chủng Staphylococcus aureus nhạy cảm. Thuốc cũng có tác dụng đối với Gonococcus, Meningococcus và Fusobacterium, nhưng không có tác dụng đối với phần lớn các vi khuẩn Gram âm khác. Bacitracin cũng có tác dụng với Actinomyces israelii, Treponema pallidum và T. vincentii.

**Neomycin** thường có tác dụng diệt khuẩn. Mặc dù cơ chế tác động chính xác chưa được giải thích rõ, neomycin ức chế tổng hợp protein ở các vi khuẩn nhạy cảm bằng cách gắn liền không thuận nghịch với ribosom 30S. Những vi khuẩn nhạy cảm với neomycin như: Staphylococcus aureus, Escherichia coli, Hemophilus influenzae, Klebsiella, Enterobacter các loại, Neisseria các loại. Neomycin không có tác dụng với Pseudomonas aeruginosa, Serratia marcescens, Streptococci bao gồm cả Streptococcus pneumoniae hoặc Streptococcus hemolytic.

**Polymyxin B sulphat** là thuốc diệt khuẩn. Polymyxin B sulphat gắn vào nhóm phosphat trong lipid của màng bảo tương vi khuẩn và tác động như một chất tẩy loại cation, vì vậy làm thay đổi hàng rào thẩm lọc của màng và gây thoát ra các chất chuyển hóa chính. Hoạt tính kháng khuẩn của polymyxin B hạn chế trên các vi khuẩn Gram âm, gồm Enterobacter, E.coli, Klebsiella, Salmonella, Pasteurella, Bordetella, Shigella và Pseudomonas aeruginosa.

**Lidocain** là thuốc tê tại chỗ, nhóm amid, dạng mỡ dùng ngoài có thời gian tác dụng trung bình. Thuốc tê tại chỗ phong bế cả sự phát sinh và dẫn truyền xung động thần kinh bằng cách giảm tính thấm của màng tế bào thần kinh với ion natri, do đó ổn định màng và ức chế sự khử cực, dẫn đến làm giảm lan truyền hiệu điện thế hoạt động và tiếp đó là bloc dẫn truyền xung động thần kinh.

**DƯỢC ĐỘNG HỌC:**

Bacitracin hấp thu không đáng kể từ da nguyên vẹn hay bị trầy xước, vết thương hoặc màng nhầy. Neomycin được hấp thu không đáng kể khi bôi tại chỗ da nguyên vẹn; tuy nhiên, thuốc được hấp thu dễ dàng qua những vùng da bị trầy xước hoặc da đã mất lớp sừng như vết thương, phỏng hoặc loét. Neomycin hấp thu nhanh từ màng bụng, ống xoang, vết thương, hoặc các vùng phẫu thuật, dùng liều lớn ở những vùng này có thể dẫn đến nồng độ thuốc trong huyết tương cao đáng kể.

~~Polymyxin B sulphat hấp thu không đáng kể từ màng nhầy hoặc da nguyên vẹn hoặc bị trầy xước.~~

Lidocain: Không đề cập.

**CHỈ ĐỊNH:**

Điều trị tại chỗ các nhiễm khuẩn trên da do các vi khuẩn nhạy cảm. Giảm đau ngay trong các vết bỏng, phỏng da chân, trầy da, và các bệnh viêm da nghiêm trọng khác giống viêm mô tế bào, nhọt do viêm nang lông, nhọt và bệnh chốc lở.

**LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:**

Làm sạch vùng bị nhiễm khuẩn và bôi một lượng nhỏ thuốc mỡ Healtit 1 đến 3 lần/ ngày. Vùng bị nhiễm khuẩn có thể được băng bằng gạc tiệt trùng.

Không nên dùng quá 7 ngày, trừ khi có chỉ định của bác sĩ.

**CHỐNG CHỈ ĐỊNH:**

Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Không dùng chung với các thuốc ức chế thần kinh cơ.

**LƯU Ý & THẬN TRỌNG:**

Dùng thận trọng và giảm liều ở các bệnh nhân suy chức năng thận vì nó gây ra độc thận có thể được biểu hiện dưới dạng albumin trong nước tiểu, vôi tế bào trong nước tiểu, và tăng ure huyết.

Ngưng điều trị ở các bệnh nhân đi tiểu ít và tăng BUN (Blood Urea Nitrogen), các phản ứng độc thần kinh thường liên quan với nồng độ cao trong huyết thanh, thường ở các bệnh nhân rối loạn chức năng thận.

Không dùng trong thời gian dài do thuốc tăng nguy cơ dị ứng tiếp xúc.

**PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ:** Phụ nữ cho con bú: tham khảo ý kiến bác sĩ.

**TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:** Chưa được biết.

**TÁC DỤNG PHỤ:**

Thường gặp: Phồng da, khô da hoặc ngứa da.

Tìm bác sĩ ngay nếu có bất kỳ phản ứng phụ trầm trọng xảy ra: các phản ứng dị ứng nặng (phát ban, nổi mẩn, ngứa; khó thở; tức ngực; sưng miệng, mặt, môi hoặc lưỡi); điếc hoặc bệnh thận; nhiễm trùng thứ phát.

*"Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc"*

**TƯƠNG TÁC THUỐC:** Không có tương tác thuốc đáng kể được báo cáo.

**QUÁ LIỀU:** Chưa có báo cáo.

**ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:** Bảo quản nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

**QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:** Hộp 1 tuýp x 10 g.

**HẠN DÙNG:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**TIÊU CHUẨN:** USP 32.

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Thuốc này chỉ dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc.



Nhà sản xuất:

The House of Quality Pharmaceuticals

**ATCO LABORATORIES LIMITED**

B-18, S.I.T.E., KARACHI-PAKISTAN

04105N-00E